

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-03-2023.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Công Lý.

2/ Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyễn Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim H1, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn H2, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Kim H1 trình bày: Bà với ông Ngô Văn H2 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 04-02-2004. Vợ chồng có 03 người con chung là Ngô Thị Thu C, Ngô Thị Tố T, Ngô Thị Anh M nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc do ông H2 thường xuyên uống rượu và mỗi lần uống say thì chửi bới đến khi mệt mới ngưng, kể cả khi đi làm xa nếu say vẫn điện thoại chửi bới đến khi mệt thì thôi. Mặc

dù ông H2 có khuyết điểm nhưng vẫn chăm lo cho gia đình, vì các con bà cố gắng chịu cho đến khoảng 04 năm gần đây thì ông H2 thay đổi hoàn toàn như đi làm không hỗ trợ chi phí nuôi con, uống rượu ngày càng nhiều, chửi bới kèm xúc phạm nhân phẩm của bà, nói dối và ghen tuông vô cớ rồi đánh bà. Do đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà nhiều lần khuyên giải nhưng ông H2 không sửa đổi mà có khuynh hướng bạo lực nhiều hơn. Hiện vợ chồng ly thân, bà sống bên nhà mẹ ở cùng áp đến khi nào ông H2 đi làm thì bà về nhà sống chăm các con và khi ông H2 về thì bà tiếp tục đến nhà mẹ.

Về hôn nhân: Bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H2.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con là Ngô Thị Tố T, Ngô Thị Anh M và yêu cầu ông H2 cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật. Riêng con lớn Ngô Thị Thu C đã trưởng thành, tự chăm sóc và nuôi dưỡng bản thân được.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà tự thỏa thuận với ông H2, không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn ông Ngô Văn H2 Quá vắng mặt, trình giải quyết trình bày: Ông và bà Lê Kim H1 là vợ chồng đã đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn và có 03 người con Ngô Thị Thu C, Ngô Thị Tố T, Ngô Thị Anh M. Vì kinh tế khó khăn nên vợ chồng mâu thuẫn đến nay được khoảng 03 năm, đến khoảng tháng 08/2022 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vợ thường vắng nhà và ông ghen tuông nên cả hai thường cự cãi với nhau, ông buồn có đi nhậu về đánh vợ một. Ông còn thương vợ và mong muốn cho con có gia đình trọn vẹn nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn và các con lựa chọn sống với mẹ thì ông đồng ý giao con cho bà H1 nuôi, đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng. Đối với con Ngô Thị Thu C đã trưởng thành, tự chăm sóc và nuôi dưỡng bản thân. Về tài sản chung, nợ chung thì ông không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H1 được ly hôn với ông H2, giao con chung là Ngô Thị Tố T và Ngô Thị Anh M cho bà H1 nuôi dưỡng và buộc ông H2 cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Riêng các vấn đề về tài sản chung và nợ chung do không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. **Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn Huỳnh vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự**

[2] Về hôn nhân: Bà H1 và ông H2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 04-02-2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà H1 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, qua trình bày của bà H1 và ông H2 cho thấy cuộc sống của họ không hạnh phúc, có phát sinh bạo lực và khi Tòa án hòa giải cả hai không tìm được tiếng nói chung, bà H1 không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H1 được ly hôn với ông H2 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H1 và ông H2 có ba người con chung là Ngô Thị Thu C, sinh ngày 10/8/2004; Ngô Thị Tố T, sinh ngày 17/6/2009 và Ngô Thị Anh M, sinh ngày 04/3/2012. Xét thấy, con chung là Thu C đã trưởng thành và bà H1, ông H2 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Tố T và cháu Anh M có nguyện vọng sống với mẹ, bà H1 có yêu cầu nuôi con và ông H2 cũng tôn trọng nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai cháu Tố T và Anh M cho bà H1 trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, ông H2 tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Mặt khác ông H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông H2 thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, ông Ngô Văn H2 phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. **Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Kim H1 được ly hôn với ông Ngô Văn H2.
2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Thị Tố T, sinh ngày 17/6/2009 và Ngô Thị Anh M, sinh ngày 04/3/2012 cho bà Lê Kim H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Trinh và cháu Thư đủ 18 tuổi. Ông Ngô Văn H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông H2 thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con: Buộc ông Ngô Văn H2 cấp dưỡng cho con là Ngô Thị Tố T và Ngô Thị Anh M mỗi người là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Trinh và cháu Thư đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/3/2023.

4. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Kim H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số biên lai thu số 0002886 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, bà H1 đã nộp xong án phí. Ông Ngô Văn H2 phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai